

SỞ Y TẾ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

Số: 1524/TB-BVND-NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO YÊU CẦU CHÀO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ, THIẾT BỊ Y TẾ

Kính gửi: Quý Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm.

Nhà thuốc Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xét chọn nhà cung ứng vào **“Danh mục vật tư, thiết bị y tế để bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ năm 2026 đợt 2”** với nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu bảng báo giá: Nhà thuốc Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ;

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận bảng báo giá:

- Họ và tên người nhận : Nguyễn Phương Tiên - Nhân viên Nhà thuốc Bệnh viện.

- Địa chỉ : Số 345, Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, TP. Cần Thơ.

- Số ĐT: 0292.3748.364

- Email nhận chào giá : nhathuoc707@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận bảng báo giá:

Kính đề nghị các Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm và có khả năng cung cấp, gửi hồ sơ có thành phần và nội dung theo phụ lục I đính kèm thông báo này (đóng hồ sơ theo thứ tự), ngoài phong bì ghi: **Bảng báo giá cung cấp vật tư, thiết bị y tế để bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ năm 2026 đợt 2**, đồng thời gửi bản scan của toàn bộ hồ sơ và file Excel báo giá về địa chỉ mail: nhathuoc707@gmail.com

Đính kèm danh mục hàng hóa mời báo giá:

+ *Phụ lục II: Danh mục vật tư, thiết bị y tế để bán lẻ tại Nhà thuốc Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ năm 2026 đợt 2.*

4. Thời gian và thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày phát hành thông báo đến hết ngày 14 tháng 09 năm 2026. Thời gian tiếp nhận báo giá trong giờ hành chính (từ 7 giờ 30 đến 16 giờ).

5. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn nhận chào giá.



7. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: 345 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

8. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng hợp lệ của Nhà thuốc Bệnh viện, trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng hợp lệ của Nhà thuốc Bệnh viện đối với hàng hóa cấp cứu.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

10. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: Không áp dụng.

- Điều kiện thanh toán:

+ Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

+ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

+ Thời hạn thanh toán: trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hàng hóa, hóa đơn, chứng từ thanh toán hợp lệ.

Lưu ý: Đơn vị cung cấp báo giá có thể chào giá 01 hoặc nhiều sản phẩm tùy vào năng lực, đồng thời chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá và nâng khống giá. *W*

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu: VT, NT

GIÁM ĐỐC *luu*

BS. CKII. Ông Huy Thanh

PHỤ LỤC I – DANH MỤC HỒ SƠ CHÀO GIÁ HÀNG HÓA

*** Vật tư, thiết bị y tế**

Hồ sơ được đánh số trang, đóng cuốn sắp xếp theo thứ tự như sau:

STT	Tên tài liệu	Trang
	BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY (Mẫu 1)	
	BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ SẢN PHẨM (Mẫu 2)	
A	HỒ SƠ NHÀ CUNG ỨNG	
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
2	Giấy ủy quyền của người ký hồ sơ chào giá (nếu có)	
3	Tài liệu chứng minh nhà thầu đã công bố đủ điều kiện sản xuất hoặc mua bán trang thiết bị y tế theo quy định của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 được sửa đổi bổ sung bằng Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính Phủ.	
B	HỒ SƠ SẢN PHẨM	
4	Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực do Bộ Y tế cấp đối với loại C, D	
5	Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B còn hiệu lực. Hoặc Tiêu chuẩn cơ sở/Phiếu công bố sản phẩm/Tờ khai nhập khẩu chứng minh hàng hóa được nhập khẩu hợp pháp vào thị trường Việt Nam hoặc tương đương.	
6	Bảng phân loại thiết bị y tế (nếu có).	
7	Tài liệu kỹ thuật, catalogue của sản phẩm (Bản tiếng anh và bản dịch tiếng việt) do nhà sản xuất công bố chứng minh tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Nhà thầu phải đánh dấu (highlight) nội dung thông tin chứng minh tính năng, thông số kỹ thuật của VTYT phù hợp với VTYT được chào hàng);	
C	GIÁ VẬT TƯ, THIẾT BỊ Y TẾ	
8	Biểu mẫu chào giá (điền đầy đủ thông tin theo Mẫu 2) - Bản giấy (ký tên, đóng dấu) - File excel	

9	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu (thể hiện từng sản phẩm được chào giá)(*),(**)	
D	BẢN CAM KẾT (theo Mẫu 3)	

Lưu ý:

- (*) Quyết định trúng thầu/Thông báo trúng thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi được đăng tải trên mạng Đấu thầu quốc gia (cung cấp mã E-TBMT) không quá 18 tháng, còn hiệu lực tối thiểu 03 tháng đến ngày kết thúc nộp hồ sơ (thể hiện được tên hàng hóa được chào giá). Nếu công ty tham gia chào giá không phải là nhà trúng thầu theo Quyết định trúng thầu/Thông báo trúng thầu, phải có tài liệu xác nhận cho phép sử dụng kết quả trúng thầu của nhà thầu trúng thầu.

- (**) **Trường hợp hàng hóa không có Quyết định/Thông báo trúng thầu:** thì phải có 03 hóa đơn cung cấp cho 03 cơ sở y tế trong 02 năm gần nhất.

- Hồ sơ được cấp trực tuyến đóng dấu giáp lai mộc công ty, các hồ sơ còn lại sao y công chứng.

- Ngoại trừ biểu mẫu chào giá, các nội dung khác công ty được quyền bổ sung làm rõ.

- Trường hợp có sự khác biệt thông tin giữa file excel và thông tin trong hồ sơ chào giá (bản giấy), Bệnh viện sẽ căn cứ dựa trên thông tin trên Hồ sơ chào giá (bản giấy) được nộp.

Mẫu 1: BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY

***Vật tư, thiết bị y tế**

Tên công ty:

Địa chỉ:

Mã số Thuế:

STT	Tên tài liệu	Công ty tự đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Bệnh viện đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Ghi chú (Trang)
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			
2	Giấy ủy quyền của người ký hồ sơ chào giá (nếu có)			
3	Tài liệu chứng minh nhà thầu đã công bố đủ điều kiện sản xuất hoặc mua bán trang thiết bị y tế theo quy định của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 được sửa đổi bổ sung bằng Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính Phủ.			

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Phần đánh giá của bệnh viện: Kết luận:	Người đánh giá (Ký và ghi rõ họ tên)
---	--

Mẫu 2: BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VẬT TƯ, THIẾT BỊ Y TẾ

Tên công ty:

Tên hàng hóa theo GPLH/Phiếu công bố:

Mã hàng:

STT	Tên tài liệu	Công ty tự đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Bệnh viện đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Ghi chú (Số trang)
A	HỒ SƠ SẢN PHẨM			
1	Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực do Bộ Y tế cấp đối với loại C, D			
2	Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B còn hiệu lực. Hoặc Tiêu chuẩn cơ sở/Phiếu công bố sản phẩm/Tờ khai nhập khẩu chứng minh hàng hóa được nhập khẩu hợp pháp vào thị trường Việt Nam hoặc tương đương.			
3	Bảng phân loại thiết bị y tế (nếu có).			
4	Tài liệu kỹ thuật, catalogue của sản phẩm (Bản tiếng anh và bản dịch tiếng việt) do nhà sản xuất công bố chứng minh tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Nhà thầu phải đánh dấu (highlight) nội dung thông tin chứng minh tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa phù hợp với hàng hóa được chào giá);			
B	GIÁ VTYT			
4	Biểu mẫu chào giá (điền đầy đủ thông tin theo Mẫu 3) - Bản giấy (ký tên, đóng dấu) - File excel			
5	Giá chào (VND)			
6	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu (thể hiện từng sản phẩm được chào giá) Công ty tham gia chào giá không phải là nhà trúng thầu theo Quyết định trúng thầu/Thông báo trúng thầu nộp, phải có tài liệu xác nhận cho phép sử dụng kết quả trúng thầu của nhà thầu trúng thầu.			
C	BẢN CAM KẾT (theo Mẫu 4)			
D	Công ty không vi phạm cung ứng, chất lượng sản phẩm của sản phẩm chào giá tại bệnh viện trong 12 tháng (theo danh sách của bệnh viện)			
KẾT LUẬN				

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Phần đánh giá của bệnh viện: Kết luận: 	Người đánh giá (Ký và ghi rõ họ tên)
---	--

Mẫu 3: vật tư, thiết bị y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên công ty:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....
Người liên hệ:.....SĐT:.....

BIỂU MẪU CHÀO GIÁ VẬT TƯ, THIẾT BỊ Y TẾ

(Căn cứ Thông báo yêu cầu chào giá số ... /TB-BVND-NT ngày ... tháng ... năm 2026)

Kính gửi: NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

ST T	YÊU CẦU CHÀO GIÁ					THÔNG TIN SẢN PHẨM CHÀO GIÁ (Theo GPLHSP/GPNK)													THÔNG TIN SẢN PHẨM THEO KẾT QUẢ TRÚNG THẦU						
	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Tên thương mại	Ký mã hiệu (nếu có)	Nhãn hiệu	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số lưu hành	Phân loại TBVT, Số, ngày cấp, tổ chức cấp Bảng phân loại	Tính năng kỹ thuật	Mã dăng ký trên BHYT	Quy cách	Đơn vị tính sản phẩm chào giá	Đơn giá chào giá (VND)	Tên công ty chào giá	Mã E- TBM T	Nhà thầu trúng thầu	Đơn giá trúng thầu VND)	Số QĐ/TB trúng thầu	Ngày QĐ/TB trúng thầu	Hiệu lực thầu (Đến ngày .../.../...)	Tên BV/ SYT trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)

(*) Bảng chào giá này có hiệu lực 180 ngày kể từ ngày kí.

....., ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Cột (2) Ghi theo đúng yêu cầu tại cột “Mã tham chiếu” Danh mục hàng hóa.

Cột (18) Ghi đơn giá báo giá cho từng sản phẩm (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)

Mẫu 4: vật tư, thiết bị y tế
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: **NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Sau khi nghiên cứu Thông báo yêu cầu chào giá thuốc số /TB-BVND-NT ngày .../.../2026 của Nhà thuốc Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ. Chúng tôi, [điền tên công ty], cam kết các nội dung như sau:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực.

4. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện cung ứng cho Nhà thuốc bệnh viện.

5. Cam kết các điều kiện về giá hàng hóa: Giá hàng hóa bán cho Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ không cao hơn giá niêm yết trên thị trường theo Luật Giá; đối với hàng hóa có trong danh mục trúng thầu của chính bệnh viện, giá bán cho Nhà thuốc bệnh viện không cao hơn giá trúng thầu tại cùng thời điểm; đối với thuốc thuộc danh mục đàm phán giá, giá bán không cao hơn giá đàm phán kể từ khi kết quả đàm phán giá có hiệu lực; Tuân thủ các quy định niêm yết giá hoặc công bố, công bố lại giá bán buôn theo quy định của pháp luật hiện hành;

Trường hợp Công ty tham gia chào giá không phải là nhà trúng thầu theo Quyết định trúng thầu/Thông báo trúng thầu đã cung cấp, có tài liệu xác nhận cho phép sử dụng kết quả trúng thầu của nhà thầu trúng thầu.

6. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về phạm vi cung cấp và tiến độ cung cấp:

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng vật tư y tế theo nhu cầu sử dụng của Nhà thuốc bệnh viện và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong Hồ sơ chào giá. Đảm bảo cung ứng hàng hóa theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Nhà thuốc bệnh viện, và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.

- Thời hạn giao hàng là 24 giờ (đối với hàng cấp cứu), không quá 03 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Nhà Thuốc Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ.

- Cung cấp Tờ khai hải quan và Phiếu kiểm nghiệm sản phẩm/ CO, CQ/CoA của lô sản phẩm được giao cho Nhà thuốc bệnh viện.

7. Cam kết thu hồi vật tư y tế trong trường hợp đã giao nhưng không bảo đảm chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

8. Hạn sử dụng còn lại của vật tư y tế tính đến thời điểm cung ứng cho Nhà thuốc bệnh viện phải đảm bảo tối thiểu 9 tháng. Trong trường hợp hạn sử dụng của sản phẩm không đáp ứng yêu cầu nêu trên, Nhà thuốc bệnh viện có quyền từ chối nhận hàng.

9. Trường hợp hàng bị ứ đọng quá 3 tháng hoặc hạn dùng còn lại dưới 6 tháng, công ty sẽ thu hồi lại nếu Nhà thuốc bệnh viện yêu cầu.

10. Cung cấp đầy đủ thông tin về vật tư y tế và cơ sở sản xuất có vi phạm chất lượng trong vòng một năm gần đây (nếu có).

11. Cam kết các mặt hàng khi phân phối có thông tin thống nhất với hình mẫu/hàng mẫu cung cấp trong Hồ sơ chào giá và thông tin đăng kí với Bộ Y tế, nếu không sẽ bồi thường cho Nhà thuốc Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ khi có sự thiệt hại do sự sai lệch thông tin trên gây ra.

12. Phương thức thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày sau khi hoàn tất hóa đơn hợp pháp, thủ tục nhập kho.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường nếu có sự sai khác về tính chính xác của thông tin nêu trên

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)



Handwritten signature

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ
NHÀ THUỐC

PHỤ LỤC II. DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, THIẾT BỊ Y TẾ ĐỀ BÀN LẺ TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2026 ĐỢT 2
(Đính kèm Thông báo chào giá số 1924/TB-BV/ND-NT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Cần Thơ)

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	TB01	Áo điều các số 1-2-3	Áo điều (số 1, 2, 3)	Chất liệu thun co giãn 4 chiều, thoáng khí, thấm hút tốt, không gây kích ứng da. Đã tiệt trùng bằng tia gamma. Có thiết kế tiện dụng tạo thoải mái cho bé và người mặc. Kích thước: Số 1: 42cm x 45cm- Số 2: 44cm x 45cm- Số 3: 46cm x 45cm Có thể giặt và tái sử dụng nhiều lần.	Cái/ túi/gói	
2	TB02	Air way các số 0-1-2-3	Air way các số 0-1-2-3	Air way các số 0-1-2-3	Cái/ túi/gói	
3	TB03	Áo làm lạnh trẻ sơ sinh ThermoWrap		Áo dùng 1 lần cho trẻ sơ sinh. Bao phủ 80% bề mặt cơ thể bệnh nhân, tương thích máy hạ thân nhiệt CRITICOOL, Chất liệu mềm để quần cổ định bằng vải dính, có kênh giảm áp giúp phân bố áp lực. size 2,5-4kg.	cái	524-03118(3118) Belmont Medical Technologies/My
4	TB04	Băng Băng Thẩm, Tiệt Trùng (Optiskin 15cm x 9cm)	Băng Băng Thẩm, Tiệt Trùng (Optiskin 15cm x 9cm)	- Lớp nền : Polyurethane, trong suốt - Lớp gạc thấm hút Viscose và Polyester, lớp chống dính : HDPE - Lớp keo : Acrylic, trong lượng 30 ± 3g/m2 - Mức thấm hơi nước : ≥ 500 g/m2/24 giờ - Tiệt trùng bằng EO. - Không thấm nước, dùng được khi lau và tắm. Có thể lưu băng đến 7 ngày - Chứng nhận MD 92825 - BSI - Kích thước nền : 150mm x 90mm, gạc 45mm x 113mm	Miếng	Optiskin
5	TB05	Băng Băng Thẩm, Tiệt Trùng (Optiskin 25cm x 9cm)	Băng Băng Thẩm, Tiệt Trùng (Optiskin 25cm x 9cm)	- Lớp nền : Polyurethane, trong suốt - Lớp gạc thấm hút Viscose và Polyester, lớp chống dính : HDPE - Lớp keo : Acrylic, trong lượng 30 ± 3g/m2 - Mức thấm hơi nước : ≥ 500 g/m2/24 giờ - Tiệt trùng bằng EO. - Không thấm nước, dùng được khi lau và tắm. Có thể lưu băng đến 7 ngày - Chứng nhận MD 92825 - BSI - Kích thước nền : 250mm x 90mm, gạc 45mm x 194mm	Miếng	Optiskin
6	TB06	Băng bột mắt trẻ sơ sinh	Băng bột mắt trẻ sơ sinh	Vải màu đen, cản ánh sáng xanh, không gây kích ứng da, thấm hút tốt. Kích thước: 11,5x 5,5 cm, dây đeo có thể điều chỉnh để đảm bảo vừa vặn, ôm khít đầu, che kín mắt không gây khó chịu cho bé. Có thể giặt và tái sử dụng nhiều lần.	Cái/ túi/gói	
7	TB07	Băng bó bột các cỡ 3in-4in-6in		Băng bó bột xương ≥ 97 % thạch cao nguyên chất > hoặc tương đương. Bột phải đảm bảo độ cứng, thời gian đông kết, không bị vón cục khi bó.	cuộn/ gói/ cái	
8	TB08	Băng cá nhân vải (Urgo Durable, 102 miếng)	Băng cá nhân vải (Urgo Durable, 102 miếng)	- Lớp nền: Sợi vải đàn hồi 70% Viscose và 30% Polyamide - Keo kết dính nóng chảy: Kém Oxide, hỗn hợp SIS/SI, dầu khoáng trắng, Lanolin,... Độ nhớt 6,600 – 10,600 cP. - Lớp thấm hút : Lớp thấm hút: 75% Viscose, 25% Polypropylene/Polyethylene - Chứng nhận ISO 13485 - BSI (Châu Âu), CE MDR. Có 02 CFS các nước tham chiếu	Miếng	Urgo Durable/550601
9	TB09	Băng cuộn co giãn không đàn dẹt (Urgoderma 10cm x 2.5m)	Băng cuộn co giãn không đàn dẹt (Urgoderma 10cm x 2.5m)	- Lớp vải nền : Vải không dệt 50 ± 5g/m2, 50% viscose + 50% polyester. Không phát xạ mạnh huỳnh quang màu xanh. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43 ± 3g/m2 : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lực dính : >2N/2.5cm - Giấy lót phủ silicone 62 ± 3g/m2 - Chứng nhận Q5 095972 0010 - TUV, CE.	Cuộn	Urgoderma
10	TB10	Băng cuộn dính y tế 10cm x 10m	Băng cuộn dính y tế 10cm x 10m	Băng keo cuộn kích thước 10cm x 10m Thành phần gồm: Lớp nền: Vải không dệt Lớp giấy dán: giấy Glassine, 80g/m2 Lớp keo: Keo Acrylate, tỉ trọng 20%-22% - Khối lượng keo: 40±2g /m2 - Độ bám dính : ≥1.0N/cm - Độ bám dính keo: ≤2.5mm sau 30 phút Tiêu chuẩn YY0148-2006, YY/T0471.1-2004, YY/T0471.2-2004 ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010, ISO 11737-1 Chứng nhận ISO và CE và FDA	Cuộn	

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
11	TB11	Băng dán vết thương Foam (băng xốp) kháng khuẩn cho vết thương tiết dịch ít đến trung bình có dấu hiệu/ đang nhiễm trùng Mepilex Ag (10x10cm)	Băng dán vết thương Mepilex Ag (10x10cm) 287110, mới 100%	- Foam (băng xốp) kháng khuẩn cho vết thương tiết dịch ít đến trung bình có dấu hiệu/ đang nhiễm trùng. - Kích thước: 10x10cm - Thành phần: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate (1.02 mg/cm² Ag) - Khả năng quản lý dịch tiết: 11g/10cm²/24h - Khả năng thấm hút dịch tiết: 5.7 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm (MVTR): 5.3 g/10cm²/24h - Cấu tạo 3 lớp: 1. Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm); 2. Lớp foam thấm hút có tẩm Silver Sulphate và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật; 3. Lớp dính Silicon 100% công nghệ Safetac giảm tổn thương da. - Hoạt tính kháng khuẩn: trong vòng 30 phút, liên tục trong 7 ngày - Thời gian lưu băng: tối đa 7 ngày - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE 2797 (Tiêu chuẩn Châu Âu), FDA 510(k)	Miếng	287110-Molnlycke
12	TB12	Băng Dính Trong Suốt Bán Thấm Tiết Trùng (Optiskin Film 12cm x 9cm)	Băng Dính Trong Suốt Bán Thấm Tiết Trùng (Optiskin Film 12cm x 9cm)	- Lớp nền: Polyurethane, trong suốt - Lớp keo: Acrylic, trọng lượng 30 ± 3g/m² - Mức thấm hơi nước: ≥ 500 g/m²/24 giờ - Lực dính: ≥ 1.0 N/cm - Vi khuẩn và nấm ≤ 100cfu/g - Tiệt trùng bằng EO - Không thấm nước, dùng được khi lau và tắm - Chứng nhận MD 92825 - BSI.	Miếng	Optiskin Film
13	TB13	Băng Dính Trong Suốt Bán Thấm Tiết Trùng (Optiskin Film 5.3cm x 8cm)	Băng Dính Trong Suốt Bán Thấm Tiết Trùng (Optiskin Film 5.3cm x 8cm)	- Lớp nền: Polyurethane, trong suốt - Lớp keo: Acrylic, trọng lượng 30 ± 3g/m² - Mức thấm hơi nước: ≥ 500 g/m²/24 giờ - Lực dính: ≥ 1.0 N/cm - Vi khuẩn và nấm ≤ 100cfu/g - Tiệt trùng bằng EO - Không thấm nước, dùng được khi lau và tắm - Chứng nhận MD 92825 - BSI.	Miếng	Optiskin Film
14	TB14	Băng dính y tế 2.5 cm x 5m	Băng keo y tế 2.5 cm x 5m	- Vải lụa trắng, 100% sợi cellulose acetate. - Số sợi 44 x 19,5 sợi/cm. - Độ bám dính 1,8-5,5 N/cm. - Có kiểm tra vi sinh - Kích thước: 2.5 cm x 5m - Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010 - Chứng nhận: ISO và CE và FDA	Cuộn	
15	TB15	Băng keo cá nhân 72mmx19mm	Băng keo cá nhân 72mmx19mm	- Băng keo cá nhân kích thước 72mm x 19mm, thành phần chính gồm: - Lớp nền: polyurethane 58g, trọng lượng 25%-35% - Lớp gác thấm, vải không dệt có màng chống dính, trọng lượng 10%-20% - Lớp keo: Keo Acrylat trọng lượng 15%-25% - Khối lượng keo: 38±2g/m² - Độ bám dính: ≥1.0N/cm - Độ bám dính keo: ≤2.5mm sau 30 phút - Chứng nhận: ISO và CE và FDA	Miếng	
16	TB16	Băng keo cuộn co giãn (Urgocrepe 6cm x 4.5m)	Băng keo cuộn co giãn (Urgocrepe 6cm x 4.5m)	- Nền: 100% sợi cotton trắng. - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Trọng lượng 133-147 g, độ co giãn ≥ 90%, chiều dài khi chưa kéo giãn 230 ± 20cm, khi kéo giãn 448.5cm ± 20cm. Số sợi trên 10cm ≥ 160, độ dày 0.84mm - 0.94mm - Trọng lượng khối phủ: 110 ± 10 g/m², lực dính 2-9 N/cm - Giấy lót silicon, cuộn lại được bọc trong màng - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g. Theo Dược điển Châu Âu /ISO 11737-1 - Chứng nhận MD 92825 - BSI.	Cuộn	Urgocrepe
17	TB17	Băng keo lụa (Urgosyval 2.5cm x 5m)	Băng keo lụa (Urgosyval 2.5cm x 5m)	- Nền: Vải dệt từ cellulose acetate 100%, nguyên liệu G7. - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP. - Kiểm tra vi sinh theo tiêu chuẩn EN ISO-11737-1: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g, Tổng số nấm men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g. Phiếu kiểm tra chất lượng sản phẩm do đơn vị có thẩm quyền cấp. - Chứng nhận ISO 13485 - BSI (Châu Âu), CE - MDR. Có 02 CFS các nước tham chiếu.	Cuộn	Urgosyval

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
18	TB18	Băng keo thun co giãn 10 cm x 4.5 m	Băng keo thun co giãn 10 cm x 4.5 m	Băng keo thun co giãn Chất liệu: nền bằng 100% sợi cotton, số sợi >160 sợi/ 10cm, độ dày 0.84 - 0.94 mm Phủ keo oxit kẽm Độ bám dính: 2-9 N/cm Độ co giãn tối thiểu 90% Độ rộng 10 cm Chiều dài chưa kéo giãn: 230 mm ± 20mm, độ dài kéo giãn 450 mm ± 10mm Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.12-2012 Tiêu chuẩn ISO và CE và FDA	Cuộn	
19	TB19	Băng keo thun co giãn 6 cm x 4.5 m	Băng keo thun co giãn 6 cm x 4.5 m	Băng keo thun co giãn Chất liệu: nền bằng 100% sợi cotton, số sợi >160 sợi/ 10cm, độ dày 0.84 - 0.94 mm Phủ keo oxit kẽm Độ bám dính: 2-9 N/cm Độ co giãn tối thiểu 90% Độ rộng 6 cm Chiều dài chưa kéo giãn: 230 mm ± 20mm, độ dài kéo giãn 450 mm ± 10mm Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.12-2012 Tiêu chuẩn ISO và CE và FDA	Cuộn	
20	TB20	Băng keo thun co giãn 8 cm x 4.5 m	Băng keo thun co giãn 8 cm x 4.5 m	Băng keo thun co giãn Chất liệu: nền bằng 100% sợi cotton, số sợi >160 sợi/ 10cm, độ dày 0.84 - 0.94 mm Phủ keo oxit kẽm Độ bám dính: 2-9 N/cm Độ co giãn tối thiểu 90% Độ rộng 8 cm Chiều dài chưa kéo giãn: 230 mm ± 20mm, độ dài kéo giãn 450 mm ± 10mm Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.12-2012 Tiêu chuẩn ISO và CE và FDA	Cuộn	
21	TB21	Băng phim dính y tế trong suốt 7cm x 6 cm	Băng phim dính y tế 7cm x 6 cm	Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65% Film Polyurethane: 2 - 15% Keo Acrylate: 3 - 30% KT: 6 cm x 7 cm -Độ bền bong tróc của bề mặt cao su ≥1,0N/cm. -Tính thấm: Độ truyền hơi nước ≥500g/m²*24h -Độ dính: Độ trượt trên cùng bề mặt dính không được lớn hơn 1mm -Tuyệt trùng từng miếng Tiêu chuẩn ISO và DOC và FDA	Miếng	
22	TB22	Băng phim dính y tế trong suốt có rãnh xẻ 7cm x 6 cm	Băng phim dính y tế (có rãnh xẻ) 7cm x 6 cm	Miếng dán có rãnh xẻ Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65% Film Polyurethane: 2 - 15% Keo Acrylate: 3 - 30% KT: 6 cm x 7 cm -Độ bền bong tróc của bề mặt cao su ≥1,0N/cm. -Tính thấm: Độ truyền hơi nước ≥500g/m²*24h -Độ dính: Độ trượt trên cùng bề mặt dính không được lớn hơn 1mm -Tuyệt trùng từng miếng Tiêu chuẩn ISO và DOC và FDA	Miếng	
23	TB23	Băng Thun 1móc		Chất liệu: Dệt từ sợi polyester, cotton Kích thước: 0,05m x2m (Chiều dài cuộn băng thun 3m không tính theo độ kéo giãn) Đặc tính kỹ thuật: Cố định xương.	cuộn/cái	
24	TB24	Băng Thun 2móc		Chất liệu: Dệt từ sợi polyester, cotton Kích thước: 0.075m x chiều dài 3m (Chiều dài cuộn băng thun 3m không tính theo độ kéo giãn) Đặc tính kỹ thuật: Cố định xương.	cuộn/cái	
25	TB25	Băng Thun 3móc		Chất liệu: Dệt từ sợi polyester, cotton -Kích thước: (9cm đến 10cm) x (100cm đến 120cm) (không tính độ giãn) Đặc tính kỹ thuật: Cố định xương.	cuộn/cái	
26	TB26	Băng thun tự dính y tế 5cm x 4.5m	Băng thun tự dính y tế 5cm x 4.5m	Băng thun vải không dệt co giãn tự dính Kích thước: 5cm x 4.5m Mẫu da Chất liệu: polypropylene, khối lượng 30 ± 2 g/m² Keo tự nhiên, trọng lượng keo: 30-40 g/m² Độ bám dính: 1.0 - 2.0N/25mm Độ co giãn: 1:1.8 - 1:2.3 Tiêu chuẩn: ISO10993.5-2009, ISO1993.10-2010 Chứng nhận ISO và CE và FDA	Cuộn	

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
27	TB27	Băng thun tự dính y tế 7.5cm x 4.5m	Băng thun tự dính y tế 7.5cm x 4.5m	Băng thun vải không dệt co giãn tự dính Kích thước: 7.5cm x 4.5m Màu da Chất liệu: polypropylene, khối lượng 30 ± 2 g/m² Keo tự nhiên, trọng lượng keo: 30-40 g/m² Độ bám dính: 1.0 -2.0N/25mm Độ co giãn: 1:1.8 – 1:2.3 Tiêu chuẩn: ISO10993.5-2009, ISO1993.10-2010 Chứng nhận ISO và CE và FDA	Cuộn	
28	TB28	Bao Camera nội soi tiết trùng Kích thước: 150 mm x 235cm...	Bao camera nội soi	Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. Kích thước: 150 mm x 235cm. Đóng gói bằng giấy đóng gói tiết trùng	Cái	
29	TB29	Bao dây đốt điện tiết trùng dùng 1 lần		Bao dây đốt điện tiết trùng dùng 1 lần, kích thước: 9cmx 220cm	cái/ túi/ gói	
30	TB30	Bình dẫn lưu vết thương kín (B type) (400ml)	Bình dẫn lưu vết thương kín (B type) (400ml)	Chất liệu: nhựa PVC nguyên chất trong y tế, không chứa Latex. Bình 3 lỗ xo, ống nhựa PVC, đầu nối hình chữ "Y", ống dẫn có Trocar. Có Van Anti-Reflex. Thiết kế tối ưu hạn chế tối thiểu gây Tiết trùng. Dung dẫn lưu vết thương 400ml	Cái	
31	TB31	Bộ dẫn truyền cảm ứng I đường Arline (Bộ đo Huyết áp động mạch xâm lấn)	Bộ đo (theo dõi) huyết áp động mạch xâm lấn I đường Iplex trẻ em hoặc sơ sinh, có khóa lấy máu an toàn (Marverlous stopcock)	"Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn I đường loại cho trẻ em có van khóa lấy mẫu máu kín bao gồm: 2 đoạn dây chính màu đỏ dài 60inch/ 6inch và 1 đoạn dây phụ màu xanh 60inch (OD 2.8mm x ID 0.975mm), khóa 4 ngã, 1 khóa lấy mẫu máu kín, transducer DPT 3cc, dây truyền dịch IV 0.16"-60L Thông số kỹ thuật + Quà áp -400 đến 6000 mmHg + Cân bằng tại 0: ±40mmHg + Điều kiện cân bằng 100 ±3mmHg + Độ nhạy: 5,0µ V/V/mmHg ± 1% + Trở kháng đầu vào (kích thích): 350 ohms. + Trở kháng đầu ra: 300 ohms. + Nhiệt độ hoạt động: 15°C-40°C. + Áp lực hoạt động: -30 đến 300mmHg + Tốc độ dòng thấp (3ml/hr) 1.9ml < dòng < 5.0ml/hr ~ 276 mmHg. Tốc độ dòng cao (125ml/phút) ~276mmHg + Đối xứng đầu dò (Symmetry): 1 ±5% Chứng chỉ lưu hành (CFS) Châu Âu"	Bộ	BKT-12xx
32	TB32	Bộ dây truyền máu (SANGOFIX)-B Braun	Bộ dây truyền máu (SANGOFIX)-B Braun	Dây truyền máu đầu xoắn - Chất liệu: Polyamide - Chiều dài: 180 - 185cm, đường kính trong khoảng 3 ± 0.1mm, đường kính ngoài khoảng 4 ± 0.1mm - Bầu đệm giọt: gồm 2 ngăn cứng và mềm, trong suốt, diện tích màng lọc 11cm², kích thước mắt lưới màng lọc 200µ, đầu lấy máu mũi tù, trong suốt, có nắp bảo vệ - Đầu nối male, kiểu xoắn vặn, tương thích với đầu nối catheter hoặc dây nối - Có bộ phận điều chỉnh giọt, có chức năng đuổi khí tự động - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE MDR và tiêu chuẩn sản xuất ISO - Xuất xứ: Việt Nam/ASEAN	cái	4034228
33	TB33	Bộ hút đàm kin chuyên trẻ em ComforSoft có co Y kết nối nội khí quản đi kèm, các số	Bộ hút đàm kin chuyên trẻ em ComforSoft có co Y kết nối nội khí quản đi kèm, các số	Bộ hút đàm kin, sử dụng lên đến 72h * Catheter không chứa DEHP, chịu được áp lực hút ≥ 55kPa (412mmHg) trong một lần hút (15 giây) * Vỏ bọc polyurethane đảm bảo hệ thống kín - Bộ trẻ em: có chữ Y kết nối nội khí quản (từ 2 - 3 co Y trong một bộ, tùy size) - Bộ người lớn: có van chân không tạo buồng cách ly, tự động rửa catheter * Có ít nhất 1 CFS G7. Xuất xứ Đông Á	Bộ/ gói/ Cái	Symphon Medical Technology Co., Ltd./ Đài Loan
34	TB34	Bộ quả lọc máu liên tục cho người lớn Prismaflex M100 set	Prismaflex M100 set	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn. Chất liệu: -Sợi lọc AN69 HF. Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer -Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate-Ống dẫn: PVC-Cartridge: PETG Phosphate pháp tiết trùng: EtO (ethylene oxide)+Thông số kỹ thuật của quả lọc:- Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6- Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 152 ml- Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m2- Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm- Độ dày thành sợi lọc: 50µm- Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút- Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): 66 ml ±10%- Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg	Bộ	106697
35	TB35	Bộ quả lọc máu liên tục - Prismaflex M60	Prismaflex M60 set	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn. Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Tiết trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số hoạt động của quả lọc - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu (± 10 %): 93 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,6 m2 - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ máu: 50 -180 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 11 kg	Bộ	106696

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
36	TB36	Bộ Quà Lọc trao đổi huyết tương Prismaflex TPE2000	Prismaflex TPE2000 set	Quà lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quà lọc: 127 ml ±10% - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m ² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μm - Độ dày thành sợi lọc: 150 μm - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml ±10% - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút	Bộ	107144
37	TB37	Bộ nong hầu môn các size từ 8 đến 15		Bộ nong hầu môn các size từ 8 đến 15 các que nong làm từ thép không gỉ.	Bộ/Cái/ gói/túi- (Bộ gồm 10 que)	
38	TB38	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 5ml	Ống tiêm dùng một lần Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Pit tổng có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	BTK5: ECO
39	TB39	Bơm tiêm insulin 1ml x 30G sử dụng một lần	Bơm tiêm insulin HTA sử dụng một lần 1 ml hoặc tương đương	- Bơm kim tiêm Insulin sử dụng một lần được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 30Gx1/2" và 30Gx5/16" - Bơm tiêm in đồng thời vạch chia cho cả 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). - Giọng có núm giúp đi hết hành trình của thuốc. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng. Không độc hại, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015.	Cái	BT104: HTA
40	TB40	Bơm tiêm nhựa không kim 50cc- đầu xoắn-dùng cho máy tiêm điện	Bơm tiêm nhựa không kim (OMNIFIX 50 ML LUER LOCK)-B Braun	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pit tổng bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm 26 - 29mm - Đầu xoắn vận, tương thích với đầu kim tiêm các loại - Pit tổng: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng 3 ± 0.1cm - Tương thích với các loại máy bơm tiêm điện tại Bệnh viện	cái	4617509F
41	TB41	Bơm Tiêm sử dụng một lần 10ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 10ml	Bơm kim tiêm nhựa, tiệt trùng, sử dụng một lần, xy lanh dung tích 10ml/cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ ràng. Pit tổng có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.	Cái	BTK10: ECO
42	TB42	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 1 ml	Ống tiêm dùng một lần - Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Giọng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khi và dung dịch tiêm không lọt qua được giọng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, TCVN 5903:1995.	Cái	BTK1: ECO
43	TB43	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 3 ml	Ống tiêm dùng một lần - Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pit tổng có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, TCVN 5903:1995.	Cái	BTK3: ECO
44	TB44	Bông gòn thấm hút tiệt trùng 10g		Được làm từ 100% bông tự nhiên, có sợi xơ dài và chắc chắn, nên khi sử dụng sẽ không bị đổ bụi, bông trắng và sạch, khả năng thấm hút cao và nhanh, không gây kích ứng da. Tiệt trùng	Gói/ bịch/túi 10g	
45	TB45	Bông mở cuộn lót bỏ bột- cỡ 0.1m x 2m		Kết cấu mịn màng và mềm mại cỡ 0.1m x 2m Không thấm nước. Không gây kích ứng Dùng lót bỏ bột	cuộn/ gói/ cái	

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
46	TB46	Bột bó thủy tinh 4in	Bột bó thủy tinh 4in	- Size: 10cm*3,6m - Ít hao bột và cho độ cứng cao nhất. - Nhẹ hơn bột bó thạch cao 5 lần nhưng lại cứng hơn 20 lần. - Cảm giác nhẹ nhàng, thoải mái và có tính thẩm mỹ cao. - Không bị ảnh hưởng bởi nước và độ ẩm. - Có thể nhìn xuyên qua bằng cách chụp X-quang.	Cuộn	L4144
47	TB47	Catheter 1 nòng Secalon Seldy dài 42cm, kim 16G	Catheter 1 nòng Secalon Seldy dài 42cm, kim 16G	Nguyên liệu: Polyurethane, Catheter 16G dài 42cm, dây dẫn đầu J 65cm, kim 16G và kim 17G dài 7cm, loại Secalon Seldy.	bộ	
48	TB48	Catheter tĩnh mạch trung tâm 12 Frx15cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp Seldinger CERTOFIX DUO HF V 1215	- Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí. - Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn. - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. - Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 12F, chiều dài 15cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G11, G11. - Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn. - Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	Bộ	4167538
49	TB49	Catheter chạy thận 2 đường các số 6.5Fr -8,5Fr, dài 11-20cm		- Catheter chạy thận 2 nòng 6.5Fr- 8.5Fr bao gồm: - Thân catheter nguyên liệu Polyurethan, đặc biệt hai nhánh nối phụ nguyên liệu silicon mềm, trong suốt giúp dễ quan sát và an toàn, chiều dài 11cm- 20cm - Đầu tip mềm thiết kế hình nón giúp đưa vào dễ dàng, ngăn ngừa chấn thương	Bộ/ gói/ Cái	
50	TB50	Catheter động tĩnh mạch rốn 3.5 Fr	Umbilical Catheter - Ống thông (catheter) động tĩnh mạch rốn 3.5Fr-270.03	- Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: - Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. - Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PVC, có đánh dấu cân quang + Dài 37cm, cỡ 3.5 Fr + Tốc độ dòng truyền dịch >6ml/ phút	Cái	270.03
51	TB51	Catheter động tĩnh mạch rốn 4 Fr	Umbilical Catheter - Ống thông (catheter) động tĩnh mạch rốn 4Fr-270.04	- Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: - Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. - Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PVC, có đánh dấu cân quang + Dài 37cm, cỡ 4 Fr + Tốc độ dòng truyền dịch >16ml/ phút	Cái	270.04
52	TB52	Catheter lọc máu 2 nòng 12F có van hai chiều dài 15cm	Catheter chạy thận nhân tạo Hemo-Access 2 nòng 12F dài 15cm, kim Y dẫn đường	- Catheter lọc máu 2 nòng 12F có van hai chiều, gồm: - Catheter 12F dài 15 vật liệu polyurethan cân quang, tương thích sinh học. 12Fx 15cm: thể tích mỗi (A 1.2ml, V 1.3ml). Tốc độ dòng (nòng xa 449 ml/p, nòng gần 384 ml/p) - Dây dẫn đầu J 0.038" x 60cm. - 2 cây nong 8Fr x 10cm và 12Fr x 15cm. - Kim Y dẫn đường 18Ga x 7cm - Bơm tiêm 5cc - Dao mổ - Đầu nối có van hai chiều - Đóng gói tiệt trùng EO. Không latex * Đạt chứng nhận hợp chuẩn châu Âu	bộ	
53	TB53	Catheter lọc máu 2 nòng 12F có van hai chiều dài 20 cm		- Catheter lọc máu 2 nòng 12F có van hai chiều, gồm: Catheter 12F dài 20 vật liệu polyurethan cân quang, tương thích sinh học. - Đóng gói tiệt trùng EO. Không latex - Đạt chứng nhận hợp chuẩn châu Âu	bộ	
54	TB54	Catheter tĩnh mạch nền 1Fr	Premicath - Ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm đặt tử ngoại vi 1Fr-1261.20	- Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. - Đóng gói: 01 catheter chất liệu PUR: + Cỡ 1Fr + Dài 20 cm + Tốc độ truyền dịch 0.7ml/phút + Thể tích mỗi dịch ban đầu 0.09ml - 01 kim dẫn đường cỡ 24G	Cái	1261.20
55	TB55	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 4F các cỡ 6cm-8cm-13cm-30cm		- Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 4F. Catheter vật liệu polyurethane, có cân quang. - Dây dẫn đầu J làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gấp. Tiệt khuẩn	bộ	
56	TB56	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 5F các cỡ 6cm-8cm-13cm-30cm		- Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 5F. Catheter vật liệu polyurethane, có cân quang. - Dây dẫn đầu J làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gấp. Tiệt khuẩn	bộ	
57	TB57	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng các cỡ 16G-18G-20G-22G		- Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 16G, 18G, 20G, 22G - Catheter vật liệu polyurethane, có cân quang. Dây dẫn đầu J làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gấp 0.018", dài 45cm - Tiệt trùng EO	bộ	

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
58	TB58	Catheter tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp Seldinger CERTOFIX DUO PAED S 408	Catheter tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp Seldinger CERTOFIX DUO PAED S 408	Kim dẫn đường sắc bén Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 4F, chiều dài 8cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G22, G22 Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	bộ	4166906
59	TB59	Catheter-ống thông trong lọc máu cỡ 6.5F loại ngắn(75mm)	GamCath GDK-607,5P - Ống thông trong lọc máu	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR Kích thước (OD): 6.5F Chiều dài: 75 mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn, (1) dây luồn J-tip 0.028 x 500 mm, (2) nắp đẩy tiêm truyền, (1) nong mạch 7F x 150 mm.	Cái	101208
60	TB60	Chỉ tiêu VICRYL RAPIDE 5/0	Chỉ VICRYL RAPIDE 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 35/65) + CaSt, số 5/0, chỉ dài ≥70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 16mm phủ silicon.	Tép/cái/sợi	
61	TB61	Chỉ Chromic Catgut các số 3/0-4/0-5/0- kim tam giác		Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi vô trùng có tẩm muối Chrome, làm từ sợi collagen thiên nhiên, sợi chắc, mềm dễ uốn, dài 60-90 cm. Kim thép không gỉ. Đóng gói trong dung dịch cồn, EO dạng lỏng.	Tép/cái/sợi	
62	TB62	Chỉ Chromic CATGUT các số 3/0-4/0-5/0- kim tròn		Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi vô trùng có tẩm muối Chrome, làm từ sợi collagen thiên nhiên, sợi chắc, mềm dễ uốn, dài 60-90 cm. Kim thép không gỉ. Đóng gói trong dung dịch cồn, EO dạng lỏng.	Tép/cái/sợi	
63	TB63	Chỉ không tan Nylon/Polyamide, các số 2/0-3/0-4/0-5/0 - kim tam giác		Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide, dài 60-90 cm, kim tam giác bằng thép không gỉ. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả.	Tép/cái/sợi	
64	TB64	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene 2/0 đến 7/0		Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 2/0 đến 7/0, dài 60-90cm. Kim tròn - 2 kim, bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói PVC- giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2	sợi/tép/cái	
65	TB65	Chỉ PDS II tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 6/0-7/0	Chỉ PDS II số 6/0-7/0(Ethicon/Johnson & Johnson)	Chỉ PDS II tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 6/0- 7/0, dài 45-90cm, 2 kim tròn đầu tròn-Ethicon/Johnson & Johnson	sợi/tép/cái	Ethicon/Johnson & Johnson
66	TB66	Chỉ Silk các số 2/0-3/0-4/0-5/0-kim tam giác		Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền, làm từ 1 dạng protein hữu cơ, trắng phủ sáp hoặc silicon, nhuộm đen hoặc không nhuộm, sợi chắc, mềm dễ uốn, dài 60-90 cm. Kim thép không gỉ. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng, độ bền cao.	Tép/cái/sợi	
67	TB67	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 -số 1/0	NOVOSYN VIOLET 1 (4) 90CM HR40S (M)RCP	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 1/0, chỉ dài 90 cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn dài 40mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 66.30N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE.	Tép	-Chủng loại: NOVOSYN -Mã hàng: C0068557N 1
68	TB68	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 -số 2/0	NOVOSYN VIOLET 2/0 (3) 70CM HR26 (M)RCP	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 2/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 38.84N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE.	Tép	-Chủng loại: NOVOSYN -Mã hàng: C0068042N 1
69	TB69	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 -số 3/0	NOVOSYN VIOLET 3/0 (2) 70CM HR26 (M)RCP	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 3/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 22.04N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE.	Tép	-Chủng loại: NOVOSYN -Mã hàng: C0068041N 1
70	TB70	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 -số 4/0	NOVOSYN VIOLET 4/0 (1,5)70CM HR22 (M)RCP	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 4/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 15.43N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn: Chứng nhận 510k của FDA, EC, ISO.	Tép	-Chủng loại: NOVOSYN -Mã hàng: C0068029N 1
71	TB71	Chỉ Thép mềm đường kính các cỡ	Chỉ Thép mềm đường kính các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ. Chiều dài: 5 -10 mét / cuộn. Đường kính: 0.3mm -> 0.7mm	cuộn	
72	TB72	Chỉ tiêu Vicryl các số từ 0/0 đến 5/0	Chỉ Vicryl -các số từ 0/0 đến 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly, các số từ 0/0 đến 5/0. Chiều dài chỉ từ 75-90cm, kim tròn hoặc tam giác	sợi/tép/cái	Ethicon/Johnson & Johnson

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
73	TB73	Chỉ tiêu Vicryl Rapide 5/0	Chỉ tiêu Vicryl Rapide 5/0 (W9915)	Polyglactin 910 bọc Polyglactin 370 và Calcium Stearate (dạng đa sợi tết)	sợi/tép/cái	W9915-Ethicon/Johnson & Johnson
74	TB74	Đai Desault Trái, phải các số từ 4 đến 9		Băng cố định khớp vai, chất liệu vải không dệt, có lỗ thoáng khí tạo cảm giác thoải mái khi sử dụng	cái/ túi/ gói	
75	TB75	Đai -túi treo tay các số từ 4 đến 9		Vật liệu: - Vải lưới mềm có lỗ thoáng khí. - Băng nhám dính, dây đai và mút mềm Chức năng: - Giữ tay ở trạng thái nghỉ. Hỗ trợ cổ định sau khi bỏ bột haysau phẫu thuật cách tay hoặc căng tay.	Cái	
76	TB76	Đai xương đòn các số từ 4 đến 9		Chất liệu vải cotton, nút xốp, khóa Velcro các số Quy cách: Gói 1 cái	Cái	
77	TB77	Dao phẫu thuật (hãng Feather các số 10-11-15)	Dao mổ Feather số 10; 11; 15	- Dao mổ Feather, Chất liệu : Thép không rỉ. Thiết kế cân đối, mềm dẻo, rất sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Thao tác thuận tiện cho các phẫu thuật mắt, tai mũi họng, thẩm mỹ; tương thích với cán dao bằng tay. - Kích thước: - Lưỡi dao số 10: chiều cao lưỡi: 5.2mm-6.5mm, độ dài lưỡi cong: 24.0mm-26.5mm, độ dài lưỡi: 38.0mm-40.5mm. - Lưỡi dao số 11: chiều cao lưỡi: 5.3mm-6.2mm; độ dài lưỡi vác: 19-19.5mm, độ dài lưỡi: 39.1mm - 41.5mm. - Lưỡi dao số 15: chiều cao: 2.8mm-4.0mm, độ dài vác cong: 9.0mm-11.5mm; chiều dài lưỡi: 35.0-37.5mm. - Đóng gói tiết trùng phương pháp chiếu xạ Gamma. - Tiêu chuẩn Chất lượng: FDA, ISO, EC, Free Sales	cái	No 10 No 11 No 15
78	TB78	Dây nối bơm tiêm điện 140-150cm	Dây nối bơm tiêm điện ECO 140-150cm	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong 0.9mm, đường kính ngoài 1.9mm, có khóa bảo vệ, chống xoắn, không độc tố. Độ dài của dây nối các cỡ 140/150 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt.	Sợi	ECO
79	TB79	Dây truyền dịch B.Braun (INTRAFIX PRIMLINE)	Bộ dây truyền dịch dùng trong lực (INTRAFIX PRIMLINE)-B.Braun	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP - Chiều dài dây: 180 ± 5cm, đường kính trong 3 ± 0.1mm, đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch 15µm, van thông khí có màng lọc vi khuẩn đến 99,99999% và virus đến 99,99964 %. Van thông khí có màng lọc vi khuẩn, virus, ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn (được nghiên cứu chứng nhận từ bên thứ 3 - đạt tiêu chuẩn Châu Âu) - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt kiểu con lăn - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái	sợi	4062181
80	TB80	Dây/Ống hút dịch nhớt không khóa/ có khóa, các số 6Fr-8Fr-10Fr-12Fr-14Fr		- Chiều dài dây 50cm. - Đầu lắp vào thông mở, dạng tròn với hai lỗ ở hai bên. - Bề mặt vòng bên ngoài có dạng tròn, nhẵn, được tráng silicon nhằm giảm thiểu sự kích thích các mô mềm trong suốt thời gian đặt vào nội khí quản. Không quá cứng hoặc quá mềm. - Được chế tạo từ nguyên liệu nhựa PVC cao cấp, chuyên cho y tế, không độc hại không bị kích ứng, có khóa hoặc không khóa. - Sản phẩm được mã hóa màu giúp nhận diện kích cỡ cách nhanh chóng. - Kích cỡ: 6, 8, 10, 12, 14 - Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng biệt từng cái.	gói/sợi/cái	GT017-100
81	TB81	Dây/Ống thông dạ dày các cỡ, (có nắp 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr).	Ống thông dạ dày MPV các cỡ (có nắp 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr)	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015.	Cái	ODD: MPV
82	TB82	Đinh Kirschner hai đầu nhọn dài các cỡ		đường kính từ 0,5 - 4 mm, làm bằng thép không gỉ hoặc titan, dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	cây/cái	
83	TB83	Đinh RUSH dài các cỡ		Đinh Rush 2.5 -> 4.0mm, dài tối đa, chất liệu thép không gỉ hoặc titan, dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	cây/cái	
84	TB84	Gạc dẫn lưu tiết trùng		Gạc làm từ vải không dệt, thấm nước tiệt trùng. Kích thước: 0,01m x 2m x 4 lớp	Gói/bịch/ miếng/cái / cuộn	
85	TB85	Gạc không thấm tẩm Vaseline (Mastny Tyl s Vaseline Album- 18 x 10 cm)	Gạc Polyester phủ vaseline ZINEX (18 x 10 cm)	Vải lưới từ Polyester không thấm nước; Dung dịch vaseline đặc Giúp hỗ trợ lành thương bằng phương pháp lành thương trong môi trường ẩm. Duy trì độ ẩm cho vết thương. Không dính vào vết thương, hạn chế tổn thương mô hạt trong giai đoạn hình thành, giảm đau. Tạo điều kiện cho dịch tiết ra từ vết thương thông qua những mắt lưới có kích thước tối ưu của gạc polyester.	Túi	M020524/CZ
86	TB86	Gạc lưới hydrocolloid với lipido-colloid, lưới sáp dầu khoáng, co giãn, ôm sát vết thương và đàn hồi tốt, thay băng không đau, kích thước	Urgofit 15 x 15cm	Gạc lưới được cấu tạo bởi 100% mạng lưới hydro - colloid bao gồm sáp dầu khoáng (petroleum jelly), paraffin lỏng natri carboxymethylcellulose (CMC) và các polymer, kích thước 15x15 cm. Tiêu chuẩn: ISO13485, CE	Miếng	Ugofit

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
87	TB87	Gạc lưới hydrocolloid với lipido-colloid, lưới sáp dầu khoáng, có gân, ôm sát vết thương và đàn hồi tốt, thay băng không đau, kích thước 15x22cm	Urgofit 15 x22cm	Gạc lưới được cấu tạo bởi 100% mạng lưới hydro - colloid bao gồm sáp dầu khoáng (petroleum jelly), paraffin lỏng natri carboxymethylcellulose (CMC) và các polymer, kích thước 15x22 cm, Tiêu chuẩn: ISO13485, CE	Miếng	Urgofit
88	TB88	Gạc lưới Lipido - Colloid - TLC, lưới Polyester, có ion bạc, không dính vết thương, size 10cm x 12cm	Urgotul Ag/Silver 10x12cm	Gạc lưới lipido-colloid-TLC, lưới Polyester, Hydrocolloid, Có ion bạc, hàm lượng bạc sulfat: 0.50 +/- 0.12 mg/cm ² (0.38 - 0.62 mg/cm ²), thay băng không đau, khối lượng tấm ≥ 130 g/m ²	Miếng	Urgotul Ag
89	TB89	Gạc lưới lipido-colloid, 10x10cm, polyester và parafin, linh hoạt và có khả năng co giãn tốt	Urgotul (Flex) 10x10cm	Gạc lưới Lipido-colloid - TLC, lưới Polyester, Hydrocolloid và dầu Parafin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất Polymer, Lưới polyester, có thể kéo giãn theo chiều rộng, tấm lớp lipido-colloid màu trắng và có 2 cánh bảo vệ, trọng lượng được tấm ≥ 100 g/m ² , Độ co giãn ≥ 100%, Thiết bị y tế theo tiêu chuẩn Châu Âu, số CE 0459.	Miếng	Urgotul
90	TB90	Gạc lưới lipido-colloid, 15 x 20cm, polyester và parafin, linh hoạt và có khả năng co giãn tốt	Urgotul (Flex) 15x20cm	Gạc lưới Lipido-colloid - TLC, lưới Polyester, Hydrocolloid và dầu Parafin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất Polymer, Lưới polyester, có thể kéo giãn theo chiều rộng, tấm lớp lipido-colloid màu trắng và có 2 cánh bảo vệ, trọng lượng được tấm ≥ 100 g/m ² , Độ co giãn ≥ 100%, Thiết bị y tế theo tiêu chuẩn Châu Âu, số CE 0459.	Miếng	Urgotul
91	TB91	Gạc thấm hút và loại bỏ mảnh hoại tử có ion bạc từ sợi Polyacrylate, 10cm x 10cm	Urgoclean Ag 10x10cm	Gạc thấm hút và loại bỏ mảnh hoại tử, có ion bạc (0.36 - 0.81 mg/cm ²) Lipido-Colloid, được cấu tạo từ sợi Polyacrylate và polyabsorbant, đạt tiêu chuẩn CE 0459, được chứng minh lâm sàng trong điều trị vết thương, và thay băng không đau, khả năng hấp thu ở 1/2h ≥ 1500g/m ²	Miếng	Urgoclean Ag
92	TB92	Găng kiểm tra dùng trong y tế các size, có bột	Găng kiểm tra dùng trong y tế các size	- Găng kiểm tra dùng trong y tế các size - Chiều dài: 240mm ±5% - Độ dày ngón tay, lòng bàn tay tối thiểu: 0,08mm - Chiều rộng: size S: 80±10mm, size M: 95±10mm. - Hàm lượng bột: 10mg/dm ² - Hàm lượng protein: 200µg/dm ² - Sức kéo Trước lão hóa: 7N min, Sau lão hóa: 6N min - Độ đàn hồi Trước già hóa: ≥ 650%, sau già hóa: ≥ 500%.	Đôi	GKT
93	TB93	Găng phẫu thuật tiết trùng, các size		Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, thấm thấu được. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ chất lượng cao. Tiết trùng bằng khí EO, tiết trùng từng đôi một. Găng có tay phải tay trái riêng biệt, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng các size	Đôi/ cặp/ túi	
94	TB94	Khẩu trang y tế tiết trùng 3 lớp		Các lớp vải gồm: + có 2 lớp vải không dệt PP Spunbond, thấm nước, dạng phẳng, có nếp gấp; + Có 1 lớp giấy lọc kháng khuẩn không thấm nước. - Thanh nẹp mũi bằng nhựa để điều chỉnh để giữ và định hình khẩu trang sẽ ôm kín khuôn mặt người sử dụng; - Dây đeo khẩu trang dùng loại dây có tính đàn hồi.	Cái	KT3L
95	TB95	Khóa 3 chia không dây	Khóa ba ngã chống nứt gãy (DISCOFIX C-3 BLUE)	Khóa ba ngã - Chất liệu: Polyamide /Polycarbonate, nút đẩy bằng Polypropylene - Gồm 1 đầu male khóa xoay luer tương thích với hệ thống catheter, 2 đầu female luer lock tương thích với hệ thống dây truyền hoặc bơm tiêm, nút xoay được 360 độ - Góc xoay đa chiều linh hoạt, không bị chèn/trượt trong quá trình sử dụng và có tín hiệu hãm cho các nắp xoay mỗi 45 độ trong sử dụng - Chịu được áp lực 2 bar hoặc tương đương	cái	16494C
96	TB96	Khóa 3 chia (ngã) có dây		Khoá có 3 ngã có thêm dây dẫn, dùng để hỗ trợ việc bơm thuốc theo đường tĩnh mạch 3 cách van, ống mở rộng. Kích thước chiều dài: 10cm, 15cm, 25cm, 50cm, 80cm, 100cm. Chất liệu: PC, PE, PP, PVC, PC	cái	
97	TB97	Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên SURFLO của Terumo, các số 14G-16G-18G-20G-22G -24G (SURFLO I.V Catheter)		không cánh, không cửa Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên Surflo được dùng để truyền dịch vào cơ thể bệnh nhân qua đường tĩnh mạch. Kim được luồn vào hệ thống mạch máu người bệnh để sử dụng trong thời gian ngắn (dưới 30 ngày) nhằm lấy máu xét nghiệm, theo dõi huyết áp hoặc truyền dịch tĩnh mạch cỡ catheter- mã màu: 18G(Xanh lá cây)-20G(Hồng)-22G(Xanh da trời)-24G(Vàng)-14G(Cam)-16G(Xám)	Cái/ cây	SR+OTxxxxC SR+OXxxxxC Terumo SURFLO I.V Catheter

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
98	TB98	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh có cổng các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh có cổng	Kim luồn mạch máu an toàn, có cánh, có cổng - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa _ Catheter chất liệu bằng Fluorinated Ethylene Propylene (FEP), có 4 đường ngầm cân quang _ Kích cỡ: Kim 18G: kích thước 1.2mm * 45mm, tốc độ 100ml/ phút, màu xanh lá Kim 20G: kích thước 1.0mm * 32mm, tốc độ 64ml/ phút, màu hồng Kim 22G: kích thước 0.8mm * 25mm, tốc độ 38ml/ phút, màu xanh dương _ Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. - Đóng gói tiệt khuẩn EO - Áp lực 305 psi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	
99	TB99	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh không cổng 24G	Kim luồn tĩnh mạch an toàn 24G	Kim luồn mạch máu an toàn, cánh nhỏ, không cổng, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa _ Có cánh bảo máu sớm (Cây 24G), có lỗ trên thân kim _ Catheter chất liệu bằng Fluorinated Ethylene Propylene (FEP), có 4 đường ngầm cân quang _ Kích cỡ: Kim 24G: kích thước 0.7mm * 19mm, tốc độ 22ml/ phút _ Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. - Đóng gói tiệt khuẩn EO - Áp lực 305 psi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	
100	TB100	Kim luồn tĩnh mạch an toàn không có cổng tiêm thuốc 22G	Kim luồn tĩnh mạch an toàn không có cổng tiêm thuốc (INTROCAN SAFETY-W FEP 22G, 0.9X25MM-AP-B.Braun)	Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bền tối đa Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. Màng ki nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 35ml/phút, 2100ml/giờ Đường kính và độ dài catheter: 0.9mmX25mm	cây	4254511-03
101	TB101	Kim luồn tĩnh mạch an toàn không có cổng tiêm thuốc 24G	Kim luồn tĩnh mạch an toàn không có cổng tiêm thuốc (Introcan safety-W Fep 24G, 0.7X19MM-AP)	Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. Màng ki nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ. Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm	cây	4254503-03
102	TB102	Kim nha 27G-Terumo	Terumo Dental Needle	Kim bằng thép không gỉ, đầu kim siêu nhỏ, sắc bén giảm cảm giác đau và khó chịu cho bệnh nhân. Kim có độ bền cao, khó gãy. Răng khóa được thiết kế chắc chắn. Độc kim bằng chất liệu PP, màu xám, có hiển thị mũi tên trên đốc kim giúp căn chỉnh góc xiên của kim dễ dàng. Đóng gói niêm phong trong vỏ nhựa. Tiệt trùng bằng EO. Size: 27G (0.40 x 21mm)	Cái	DN*M2730, DN*M2721
103	TB103	Kim tiêm sử dụng 1 lần các cỡ, (rút máu-rút thuốc)	Kim tiêm ECO 18G-20G-23G-25G	Kim các cỡ 18G-20G-23G-25G, kim cấu tạo từ thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, có nắp dây bảo vệ. Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Không chứa độc tố DEHP.	Cái	
104	TB104	Lọc khuẩn 1 chức năng-CK11	Lọc khuẩn 1 chức năng	Trở kháng (pa): <1.3 tại 60 lit/phút. Hiệu quả lọc khuẩn: 99,99 %. Hiệu quả lọc Virus: 99,99 %. Khoảng chết: ~ 43ml. Chất liệu vỏ: Polypropylene. Chất liệu lõi lọc: Polypropylene tinh điện chất lượng cao, ki nước, không tốt cho sự phát triển của nấm, vi khuẩn và virus	Cái	CK11
105	TB105	Lọc khuẩn sử dụng cho máy hô hấp ký-CK39	Lọc khuẩn sử dụng cho máy hô hấp ký	Lọc khuẩn đa chức năng hô hấp - Đường kính trong (29.5) mm - Đường kính ngoài (33.5)mm - Khả năng lọc vi khuẩn 99.99% - Trở kháng tại 60L/min < 1.3cmH2O	Cái	CK39
106	TB106	Lọc vi sinh cho máy điều áp hút-ZF-SF-001	Lọc vi sinh cho máy điều áp hút	Chất liệu lọc làm bằng Polypropylene nhiều lớp + polyester nhiều lớp Hiệu quả lọc BFE và VFE 99.99% @ 0.3micromet - Khả năng lọc kích cỡ hạt: 0.3 Micron - Trọng lượng 8,6g - Trở kháng 12mmHg tại 20 LPM - Khoảng chết ≤ 6mL - Co nối 12.7mm/8.8mm-8.4mm - Áp suất hoạt động tối đa 20psi - Diện tích lọc hiệu quả 18cm2 - Nhiệt độ hoạt động tối đa 60 độ C - Đóng gói tiệt trùng EO	Cái	ZF-SF-001
107	TB107	Lọc 3 chức năng HME màu xanh		Thiết bị có 3 chức năng chính gồm: lọc khuẩn, làm ẩm và làm ẩm khi thở. Đóng gói tiệt trùng từng cái	Cái	CK-03-01 HMEF

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
108	TB108	Mặt nạ xông khí dung MPV- Các XS-S-M	Mặt nạ xông khí dung MPV - Các XS-S-M	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. Dây dẫn có chiều dài ≥2m, lồng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. Các XS-S-M	Cái	MNKD01: MPV
109	TB109	Miếng gạc, Vật liệu cầm máu mũi Merocel 8x2x1,5cm - Medtronic Xomed, Inc		Miếng gạc cầm máu mũi Merocel là một loại bọt có hình học mũi, được làm từ chất liệu Hydroxylated Poly-Vinyl Acetate (PVA) được ép chặt và đông khô. Khi tiếp xúc với máu, PVA sẽ nở ra và tạo thành một nút chặn bên trong hốc mũi, giúp cầm máu hiệu quả. Tiêu chuẩn ISO. Dùng trong phẫu thuật nội soi mũi xoang và cấp cứu	Miếng/Gói/ cái	Medtronic Xomed, Inc
110	TB110	Miếng cầm máu mũi 8x1.5x2cm	Miếng cầm máu mũi Unopore nguyên liệu PVA 8x1.5x2cm	Vật liệu cầm máu mũi - Chất liệu bằng Polyvinyl Alcohol (PVA) - Kích thước: 8 cm x 2 cm x 1.5 cm - Kích thước lỗ siêu nhỏ: (0.0001mm - 0.2mm) giúp thu nhỏ mô, dễ dàng cắt bằng kéo hoặc bằng tay. 100% không chứa xơ - Có khả năng hấp thụ 25 lần trọng lượng - Khả năng nở rộng dưới áp lực niêm mạc. - Đóng gói tiệt trùng, hút chân không "	Miếng/ gói	UP801520
111	TB111	Mũ phẫu thuật tiệt trùng		Nguyên liệu gạc không dệt, thông thoáng, mềm mại, đảm bảo bao phủ mọi kiểu tóc. Đóng gói tiệt trùng từng cái, 1 gói/ cái	gói/ cái	
112	TB112	Nẹp căng tay dài (trái - phải) các số từ 4 đến 9	Nẹp căng tay dài (trái - phải) các số	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 18-25cm	Cái	
113	TB113	Nẹp cổ mềm dùng cho trẻ em, các số		Dùng cho các trường hợp chấn thương cổ nhưng không cần cố định hoàn toàn mà chỉ cần cố định nhẹ nhàng và hạn chế cử động. Hỗ trợ sau phẫu thuật mạch máu, gân cơ vùng cổ. Thiết kế từ vật liệu mềm, nhẹ và thoáng khí: Mút xốp mềm kết hợp với vải và khóa Velcro giúp sản phẩm mang lại cảm giác dễ chịu khi đeo và thuận tiện trong quá trình sử dụng	cái	
114	TB114	Nẹp đùi dài các số từ 4 đến 9	Nẹp đùi dài các số	Được làm từ chất liệu vải tổng hợp, có nhiều size sử dụng các số từ 4 đến 9	cái	
115	TB115	Nẹp giấy H1, có kích cỡ 6 - 12	Nẹp giấy H1, kích cỡ 6 - 12	Cố định bàn chân khéo léo của trẻ về đúng vị trí, chỉnh sửa các biến dạng khớp theo chỉ định, kích cỡ 6 - 12	cái	
116	TB116	Nẹp nén ép bàn rộng vít 4.5mm (các cỡ)/Nẹp xương đùi (chân bàn rộng) 6 - 14 lỗ		Nẹp xương đùi (chân bàn rộng) 6 - 14 lỗ, chất liệu thép không gỉ	bộ	
117	TB117	Nhiệt kế thủy ngân		Nhiệt kế lấy nhiệt (35-42 độ) thủy ngân	Cây/cái/ô	
118	TB118	Nút chặn kim luồn có công tắc tiêm thuốc - B. Braun	Nút chặn kim luồn có công tắc tiêm thuốc (IN-STOPPER LL.)-B. Braun	Có công tắc chặn thuốc không chứa latex. Đầu nối Luer Lock, tương thích với các loại đầu tiêm tiêu chuẩn. Thể tích mỗi dịch 0.16ml	cái	4238010
119	TB119	Ống nội khí quản phủ silicon không bóng các cỡ Tối thiểu có các số 2.0 (OD=3.0 mm, chiều dài ống 140mm) Số 8.0 (OD=11.0 mm, chiều dài ống 330mm)	Ống nội khí quản PVC phủ silicon không bóng các cỡ	Ống nội khí quản vật liệu PVC phủ silicon, không chứa DEHP, loại không bóng Các số từ 2.0-10.0, đường kính ngoài từ 3.0 - 13.7mm, chiều dài ống từ 140-300mm Tối thiểu có các số 2.0 (OD=3.0 mm, chiều dài ống 140mm) Số 8.0 (OD=11.0 mm, chiều dài ống 330mm) Xuất xứ Châu Âu	cái	
120	TB120	Ống nội khí quản không bóng các số 2.0mm, 2.5 mm, 3.0 mm, 3.5 mm, 4.0 mm, 4.5 mm, 5.0 mm, 5.5 mm, 6.0 mm, 6.5 mm, 7.0 mm, 7.5 mm	Ống nội khí quản không bóng các số 2.0mm, 2.5 mm, 3.0 mm, 3.5 mm, 4.0 mm, 4.5 mm, 5.0 mm, 5.5 mm, 6.0 mm, 6.5 mm, 7.0 mm, 7.5 mm	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Không bóng và có cân quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất.	Cái	-
121	TB121	Ống thông nội khí quản có bóng các số 2.5 mm, 3.0 mm, 3.5 mm, 4.0 mm, 4.5 mm, 5.0 mm, 5.5 mm, 6.0 mm, 6.5 mm, 7.0 mm, 7.5 mm	Ống thông nội khí quản có bóng các số 2.5 mm, 3.0 mm, 3.5 mm, 4.0 mm, 4.5 mm, 5.0 mm, 5.5 mm, 6.0 mm, 6.5 mm, 7.0 mm, 7.5 mm	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cân quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất.	Cái	-
122	TB122	Ống thông động tĩnh mạch PUR 22G x 8cm-VYGON Germany GmbH	Leaderflex	Catheter tĩnh mạch trung tâm cho trẻ nhỏ hoặc tĩnh mạch ngoại biên cho trẻ nhỏ và người lớn. Có thể dùng để đo huyết áp động mạch, truyền dịch, truyền thuốc. Đóng gói: -01 catheter chất liệu polyurethane: + Cỡ 2Fr + Chiều dài 8cm + Tốc độ truyền dịch 12 ml/phút -01 kim đâm da cỡ 21G - 01 guidewire 26cm, đường kính 0.46 mm	Cái	1212.08 -VYGON Germany GmbH
123	TB123	Ống thông hậu môn MPV các số 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; 28; 30	Ống thông hậu môn MPV các số 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; 28; 30	Ống thông hậu môn các số. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo. Trên dây có 02 cặp lỗ hình bầu dục đối xứng nhau, một đầu dây được loe hình phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng.	Sợi/cái	OTHM

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
124	TB124	Ống thông khí màng nhĩ đường kính 0,76mm		Kích thước lòng ống 0,76 mm (Ø 0,76mm) cho trẻ em hoặc ống tai nhỏ. Dùng trong phẫu thuật và màng nhĩ. Chất liệu: Titanium, 2 bờ tròn mã hiệu(REF): 1056101-Medtronic Xomed,Inc	Cái/gói/bộ/ống	mã hiệu(REF): 1056101-Medtronic Xomed,Inc
125	TB125	Ống thông khí màng nhĩ đường kính 1,14 mm		Kích thước lòng ống 1,14 mm (Ø 1,14mm) Dùng trong phẫu thuật và màng nhĩ. Chất liệu: Nhựa Fluoroplastic, 2 bờ tròn mã hiệu(REF): MV16101-Medtronic Xomed,Inc	Cái/gói/bộ/ống	mã hiệu(REF): MV16101-Medtronic Xomed,Inc
126	TB126	ống thông tiểu/sond foley 2 nhánh,các số 8-10-12-30		chất liệu từ silicone hoặc 100% cao su tự nhiên phủ silicone, đầu thon mịn,hai lỗ lớn đầu ống,có bóng mở rộng giúp lưu trữ trong bàng quang, van bằng nhựa hoặc cao su. Tiết trùng.	sợi/ống/cái	
127	TB127	Ống dẫn lưu chuyên dụng màng phổi,các size từ 12 đến 24Fr		Ống dẫn lưu chuyên dụng màng phổi, dùng cho dẫn lưu màng phổi, các size từ 12 đến 24Fr. Tiết trùng . chất liệu Nhựa PVC y tế không độc hại được tráng một lớp silicon mỏng, trên có một vạch cân quang dọc theo chiều dài của ống, có nhiều vạch chia số giúp theo dõi chính xác lượng dịch thoát ra. Đầu ống được bo tròn, hạn chế tổn thương khi đặt vào khoang màng phổi.	sợi/ống/cái	
128	TB128	Quả lọc máu MULTIFILTRATE KitMIDI CVVHDF 400 (AV400)	Quả lọc máu MULTIFILTRATE KitMIDI CVVHDF 400 (AV400)	Diện tích màng 0,75m2. Thể tích làm đầy 52ml Bộ gồm: dây động mạch, dây tĩnh mạch, dây dịch thải kèm dây dịch lọc, dây dịch bù có túi làm ấm	quả	
129	TB129	Quả lọc máu MULTIFILTRATE KitMIDI CVVHDF 600 (AV600)	Quả lọc máu MULTIFILTRATE KitMIDI CVVHDF 600 (AV600)	Diện tích màng 1,4m2. Bộ gồm: dây động mạch, dây tĩnh mạch, dây dịch thải kèm dây dịch lọc, dây dịch bù có túi làm ấm.	quả	
130	TB130	Que thử đường huyết ACCU-CHEK® Instant (100 tests)	Que thử đường huyết ACCU-CHEK® Instant (100 tests)	Que thử đường huyết ACCU-CHEK Instant dùng cho máy đường huyết ACCU-CHEK Instant và ACCU-CHEK Instant S đáp ứng và vượt tiêu chuẩn ISO 15197: 2013/ EN ISO 15197: 2015 về độ chính xác kỹ thuật và cho kết quả: - 100% kết quả đo nằm trong khoảng ±15mg/dL (0,83mmol/L) ở nồng độ dưới 100mg/dL (5,55mmol/L) và ±15% ở nồng độ từ 100mg/dL (5,55mmol/L) trở lên. - 100% kết quả đo nằm trong khoảng ±10mg/dL (0,55mmol/L) ở nồng độ dưới 100mg/dL (5,55mmol/L) và 99,3% nằm trong khoảng ±10% ở nồng độ từ 100mg/dL (5,55 mmol/L) trở lên.	bộ	07819404020
131	TB131	Sond hậu môn các size 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; 28; 30	Sond Rectal - sond hậu môn các size 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; 28; 30	• Làm từ nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng. • Hầu hết các ống dài này đều có cân quang nằm dọc thân ống để dễ dàng xác định khi chụp X-quang. • Thân ống trong suốt hoặc mờ • Tiết trùng bằng khí EO. • Size: 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30	Cái	GT020-100
132	TB132	Test Dengue IgG/IgM	ACON Dengue IgG/IgM Rapid Test Cassette (Serum/Plasma/Whole Blood)	Khay thử xét nghiệm nhanh định tính nhằm phát hiện kháng thể IgG và IgM kháng virus gây sốt xuất huyết Dengue trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương + Lượng mẫu sử dụng: khoảng 10 µl. + Độ nhạy tương quan: tối thiểu 96.0% (IgM); tối thiểu 95.0%(IgG) + Độ đặc hiệu tương quan: tối thiểu 98.0% (IgM); tối thiểu 98.0% (IgG) + Độ chính xác tương quan: tối thiểu 97.0 % (IgM); tối thiểu 97.6% (IgG) Thời gian đọc kết quả: Phút thứ 15. Đạt tiêu chuẩn CE và ít nhất 2 chứng chỉ FSC từ các nước tham chiếu (theo Thông tư 14/2020/TT-BYT). Phân loại Bộ Y tế C.	Test	L031-11311
133	TB133	TEST DENGUE NSI	Dengue NS1Ag Rapid Test	Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch dùng để phát hiện định tính kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. + Lượng mẫu sử dụng: khoảng 60 µl. + Độ nhạy tương đối: tối thiểu 98.0% + Độ đặc hiệu tương đối: tối thiểu 99.0% + Độ chính xác: tối thiểu 99.0% Đọc kết quả trong 15 phút. Không đọc kết quả sau 20 phút. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương Phân loại Bộ Y tế C.	Test	IDENG-402
134	TB134	Test EV71 IgM -SD Bioline	Diagnostic Kit for IgM Antibody to Human Enterovirus71 (Immunochromatographic Assay)	Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. + Lượng mẫu sử dụng: khoảng 25 µl. + Độ nhạy: tối thiểu 97.0% + Độ đặc hiệu: tối thiểu 99.0% + Độ chính xác: tối thiểu 98.0% Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương Phân loại Bộ Y tế C.	Test	W141-C
135	TB135	Test phát hiện nhanh H. pylori		dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy	Test/ống/cái	
136	TB136	Thun ống cuộn 5cm x 20m (vớ lót bên trong bột)	Thun ống cuộn 5cm x 20m - Stockynet	100% cotton, có độ đàn hồi rất tốt; kích thước 5cm x 20m. vải co giãn dùng để lót bên trong lớp thạch cao khi bó bột	cuộn	
137	TB137	Thun ống cuộn 7cm x 20m (vớ lót bên trong bột)	THUN ỐNG CUỘN 7cm x 20m - Stockynet	100% cotton, có độ đàn hồi rất tốt; kích thước 7cm x 20m.vải co giãn dùng để lót bên trong lớp thạch cao khi bó bột	cuộn	

YÊU CẦU CHÀO GIÁ						
STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa yêu cầu	Tên thương mại (nếu có)	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Model/ký hiệu)
138	TB138	Túi đựng nước thải Filtrate Bag 10L	Túi đựng nước thải Filtrate Bag 10L	Túi đựng nước thải Filtrate Bag 10L. Một túi chứa tối đa 10 lít dịch	túi	
139	TB139	Túi đựng dịch thải 5L	SP-414	Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT. Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (Ø 8 mm) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex. Thể tích: 5L.	Túi	115959
140	TB140	Túi đựng nước tiểu có quai, tiệt trùng		Kích cỡ 2000ml, làm bằng nhựa y tế PVC, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Độ dày 1.2mm, dây dẫn dài 90 cm, có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Van van chữ T, chống trào ngược. Có quai treo đục lỗ, không gây độc hại, không gây kích ứng.	cái/ túi/ gói	
141	TB141	Túi đựng bệnh phẩm tiệt trùng dùng 1 lần		Túi đựng bệnh phẩm tiệt trùng dùng 1 lần, kích thước : 7cmx14cm hoặc tương đương	cái/ túi/ gói	
142	TB142	Vít xương 3.5mm, các cỡ		Vít Ø 3.5mm x 14mm - 50mm, chất liệu thép không gỉ	cái	
143	TB143	Vít xương 4-4.5mm, các cỡ		Chất liệu thép không gỉ. Vít Ø4-4.5mm, dài 25 -100mm, bước tăng 5mm, ren bán phần	cái	
144	TB144	VÍT XƯƠNG XÓP 4- 4.5mm, RĂNG NGĂN (các cỡ)		Chất liệu thép không gỉ. Vít Ø 4-4.5mm, dài 25 -100mm, bước tăng 5mm, ren bán phần.	cái	
145	TB145	VÍT XƯƠNG XÓP 6,5mm, RĂNG NGĂN (các cỡ)		Chất liệu thép không gỉ. Vít Ø6.5mm, dài 40 -120mm, bước tăng 5mm, 32mm ren	cái	
146	TB146	Vòng đệm vít 3.5mm-4.0mm		Long đến Vít 3.5mm - 4.0mm (Washer for 3.5mm - 4.0mm Screws)	cái	
147	TB147	Vòng đệm vít 4.5mm-7.0mm		Long đến Vít 4.5mm - 7.3mm (Washer for 4.5mm - 7.3mm Screws)	cái	
148	TB148	Viết chuyên dụng cho lỗ tiểu thấp		Viết vô khuẩn, mực xanh hoặc tím, không phai, có thể tẩy bằng cồn, chuyên dụng cho lỗ tiểu thấp	cái/ cây	
		Tổng cộng : 148 mặt hàng				

